TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**130**/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2026

V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.

- Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Bà Trần Thu Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Võ Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2– Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 496/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 121/QĐST-HN ngày 13/3/2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Dương Thanh S, sinh năm 1987.

Số CCCD 082087021127 cấp ngày 26/12/2021.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

* Bị đơn: Chị Phan Thị Hồng T, sinh năm 1985.

Số CMND 311813863

Địa chỉ: Ấp L, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Dương Thanh S trình bày:

Anh và chị Phan Thị Hồng T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng kết tại Ủy bạn nhân dân xã T, Huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, Đồng Tháp) giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141 ngày 07/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn với lý do mâu thuẫn kinh tế, chị Phan Thị Hồng T đã bỏ về nha cha mẹ ruột vào năm 2014. Hai vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2014. Anh S thấy tình cảm không còn, mâu

thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị Hồng T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Minh T1, sinh ngày 12/02/2012 và Dương Thị Huỳnh H, sinh ngày 28/4/2009. Hiện nay đang sống chung với chị Phan Thị Hồng T. Anh S đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn là chị Phan Thị Hồng T từ khi Toà án thụ lý đến nay anh P vắng mặt không có lý do và không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Thanh S.

* Tại phiên tòa, anh Dương Thanh S có đơn xin vắng mặt vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho anh được ly hôn với và giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung như đơn khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân anh S, chị T mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2014 đến nay nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Minh T1, sinh ngày 12/02/2012 và Dương Thị Huỳnh H, sinh ngày 28/4/2009. Hiện nay hai con chung đang sống chung với chị Phan Thị Hồng T. Anh S đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, xét thấy con chung từ khi ly thân do chị T nuôi dưỡng nee6n cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị T. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của anh Dương Thanh S về việc tranh chấp "Ly hôn" với chị Phan Thị Hồng T thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 2 đã tống đạt hợp lệ cho chị Phan Thị Hồng T nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh Dương Thanh S có đơn xin vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh S, chị T theo qui định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh S và chị T tự nguyện sống với nhau năm 2008, có đăng kết tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, Đồng Tháp) giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141 ngày 07/11/2008. Sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Hồng T. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T nhưng chị vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh S điều đó chứng tỏ chị T không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh S là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Minh T1, sinh ngày 12/02/2012 và Dương Thị Huỳnh H, sinh ngày 28/4/2009. Hiện nay hai con chung đang sống chung với chị Phan Thị Hồng T .Từ khi ly thân, hai con chung sống với chị T, có cuộc sống ổn định, phát triển tốt nên cần giao hai con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Anh S không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung do chị T không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Anh Dương Thanh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQHK15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Thanh S.

1. Về hôn nhân: Anh Dương Thanh S được ly hôn với chị Phan Thị Hồng T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Dương Minh T1, sinh ngày 12/02/2012 và Dương Thị Huỳnh H, sinh ngày 28/4/2009 cho chị Phan Thị Hồng T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Anh Dương Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Anh Dương Thanh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001273 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên anh đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án anh Dương Thanh S, chị Phan Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TANDTĐT.*
- *VKSNDKV2.*
- *THADSTĐT.*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Ánh Hồng